

Bản án số: 08 /2025/DS-PT

Ngày: 08/01/2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng*

Vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Anh

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

Ông Trần Hoài Sơn

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Bá Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2025/TLPT-DS ngày 17/10/2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2024/DS-ST ngày 21/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 396/2025/QĐPT-DS ngày 28/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 482/2025/QĐ-ST ngày 16/12/2025; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T. Sinh năm: 1970. Địa chỉ: Số ... BCT, tổ ..., phường H, thành phố Đ. Có mặt

* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L. Sinh năm: 1962. Địa chỉ: Kiệt ... HV, phường HT, thành phố Đ. Có mặt

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị L. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị L là hàng xóm với nhau, ngày 03/9/2021 bà L có vay của bà T số tiền 50.000.000 đồng và hẹn đến ngày 03/10/2021 trả, khi vay bà L có viết, ký giấy mượn tiền ngày 03/9/2021; ngày 10/5/2022 bà L tiếp tục vay bà T số tiền 100.000.000 đồng và hẹn trả vào ngày 10/10/2022 hai bên có viết giấy mượn tiền ngày 10/5/2022; ngày 14/3/2023 bà L vay bà T số tiền 17.000.000 đồng, cộng với hai lần vay tiền vào ngày 03/9/2021 và 100.000.000 đồng vào ngày 10/5/2022 nên hai bên có viết giấy mượn tiền ngày 14/3/2023 làm chứng, trong giấy mượn tiền ngày 14/3/2023 thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 14/5/2023, nhưng đến nay bà L vẫn chưa trả cho bà T số tiền trên. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả cho bà T số tiền còn nợ theo giấy mượn tiền ghi ngày 14/3/2023 là 167.000.000 đồng, thời hạn tính lãi từ ngày 15/5/2023 đến ngày xét xử ngày 21/8/2025.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung tính lãi, cụ thể yêu cầu tính với lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ gốc 167.000.000 đồng, thời gian tính lãi như trên.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà Nguyễn Thị L thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị T là trong quá trình làm ăn, bà L có nợ của bà T số tiền 167.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 14/3/2023; số tiền nợ 150.000.000 đồng tại văn bản giấy mượn tiền ngày 10/5/2022 và văn bản không có tiêu đề có dòng chữ “hẹn 03/10/2021” đã nằm trong khoản nợ 167.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 14/3/2023. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 167.000.000 đồng, bà L đồng ý nhưng hiện nay do hoàn cảnh khó khăn, làm ăn thua lỗ, không có thu nhập nên bà L yêu cầu bà T cho bà L được phân kỳ trả dần khoản nợ này, với phương án mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Về lãi bà L không đồng ý trả vì cho rằng thực tế khoản vay này bà L đã nhiều lần trả lãi cho bà T với mức lãi 4.500.000 đồng/100.000.000 đồng/1 tháng, tuy nhiên do tin tưởng nhau nên bà L không viết giấy hoặc chứng cứ gì và cụ thể đã trả bao nhiêu, từ thời gian nào bà L không nhớ rõ.

** Với nội dung nêu trên tại Bản án dân sự số 79/2024/DS-ST ngày 21/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đà Nẵng đã xử và quyết định:*

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 278, Điều 280, Điều 357, Điều 463 khoản 1 khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả nợ vay cho bà Nguyễn Thị T theo “Giấy mượn tiền” ngày 14/3/2023 là 204.895.273 đồng (*Hai trăm lẻ bốn triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng*). Trong đó, nợ gốc 167.000.000 đồng, nợ lãi trả từ ngày 15/5/2023 đến ngày 21/8/2025 là 37.895.273 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn bà Nguyễn Thị L không thanh toán các khoản tiền trên thì phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị T không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị T đã nộp là 10.960.000 đồng (*bằng chữ: mười triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001076 ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị L được miễn án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/9/2025 Bà Nguyễn Thị L kháng cáo với nội dung: Không đồng ý thanh toán số tiền lãi cho bà Nguyễn Thị T như bản án đã tuyên, đối với số tiền nợ gốc 167.000.000 đồng, bà xin trả dần.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên Bản án dân sự số 79/2024/DS-ST ngày 21/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đều có mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị L đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T buộc bà phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ theo “Giấy mượn tiền” ngày 14/3/2023 là 204.895.273 đồng (*Hai trăm lẻ bốn triệu*

tám trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó, nợ gốc 167.000.000 đồng, nợ lãi trả từ ngày 15/5/2023 đến ngày 21/8/2025 là 37.895.273 đồng, thì thấy:

Từ mối quan hệ quen biết, nên vào ngày 14/3/2023, bà Nguyễn Thị L có mượn của bà Nguyễn Thị T số tiền 167.000.000 đồng và cam kết đến ngày 15/5/2023 sẽ trả đủ số tiền trên cho bà Nguyễn Thị T.

Tuy nhiên, sau khi nhận tiền của bà T, bà L đã không thực hiện việc trả nợ như đã cam kết. Do bà L đã không thực hiện việc trả nợ nên bà T đã nhiều lần yêu cầu bà L trả số tiền nợ trên nhưng bà L vẫn cố tình trốn tránh trách nhiệm trả nợ cho bà T dẫn đến phát sinh tranh chấp. Căn cứ ban đầu bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà Nguyễn Thị L yêu cầu trả lại số tiền vay là giấy mượn tiền do Nguyễn Thị L ký và số tiền lãi do bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị T yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị L trả số tiền nợ là theo giấy mượn tiền ghi ngày 14/3/2023 là 167.000.000 đồng, thời hạn tính lãi từ ngày 15/5/2023 đến ngày xét xử ngày 21/8/2025 với lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ gốc 167.000.000 đồng.

Xét thấy số tiền bà L nợ bà T đã lâu nhưng bà L không có thiện chí trả nợ dứt điểm. Vì vậy, việc bà T yêu cầu bà L trả tiền nợ và tiền lãi là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp.

Việc bà L khai nại về lãi bà L không đồng ý trả vì cho rằng thực tế khoản vay này bà L đã nhiều lần trả lãi cho bà T với mức lãi 4.500.000 đồng/100.000.000 đồng/1 tháng, tuy nhiên do tin tưởng nhau nên bà L không viết giấy hoặc chứng cứ gì và cụ thể đã trả bao nhiêu, từ thời gian nào bà L không nhớ rõ, Hội đồng xét xử thấy lời khai của bà Nguyễn Thị L là không có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị L và buộc bà L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà T số tiền 204.895.273 đồng (*Hai trăm lẻ bốn triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng*). Trong đó, nợ gốc 167.000.000 đồng, nợ lãi trả từ ngày 15/5/2023 đến ngày 21/8/2025 là 37.895.273 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị L không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì khác so với giai đoạn sơ thẩm. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên Bản án dân sự số 79/2024/DS-ST ngày 21/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đà Nẵng theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị L được miễn theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị T không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị T đã nộp là 10.960.000 đồng (*bằng chữ: mười triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001076 ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng

[5] Án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị L được miễn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 308, các Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L;

Giữ nguyên Bản án dân sự số 79/2024/DS-ST ngày 21/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đà Nẵng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị L về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

1. Buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả nợ vay cho bà Nguyễn Thị T theo “Giấy mượn tiền” ngày 14/3/2023 là 204.895.273 đồng (*Hai trăm lẻ bốn triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng*). Trong đó, nợ gốc 167.000.000 đồng, nợ lãi trả từ ngày 15/5/2023 đến ngày 21/8/2025 là 37.895.273 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn bà Nguyễn Thị L không thanh toán các khoản tiền trên thì phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị T không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị T đã nộp là 10.960.000 đồng (*bằng chữ: mười triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001076 ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị L được miễn án phí.

3. Án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị L được miễn theo quy định của pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND khu vực 5;
- THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Tổ nghiệp vụ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Anh

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Tổ nghiệp vụ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

